BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05 /2022/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022*

THÔNG TƯ
Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động viễn thám;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thám quốc gia, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KH-TC, PC, VTQG.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Công Thành

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT XÂY DỰNG, CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia áp dụng cho các bước công việc sau:

1.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia;

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia.

1.2. Cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia

a) Cập nhật siêu dữ liệu viễn thám quốc gia;

b) Cập nhật dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia.

2. Đối tượng áp dụng

Định mức kinh tế - kỹ thuật này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

Định mức kinh tế - kỹ thuật này được sử dụng để phục vụ công tác điều hành sản xuất của các đơn vị sản xuất, tính đơn giá sản phẩm, làm căn cứ lập dự toán và quyết toán giá trị sản phẩm hoàn thành của các dự án, công trình và nhiệm vụ về xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia do các cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện.

3. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động viễn thám;

- Thông tư số 09/2017/TT-BTNMT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia;

- Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy

định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ;

- Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Quyết định số 1267/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định hữu hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Phương pháp xây dựng định mức

Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng bằng phương pháp tổng hợp (phương pháp thống kê, kinh nghiệm và ước lượng so sánh), phương pháp tiêu chuẩn và phương pháp phân tích, tính toán.

5. Quy định viết tắt

Chữ viết tắt	Nội dung viết tắt
BĐA	Bình đồ ảnh
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSDLSDLVTQG	Cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia
CSDLAVTQG	Cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia
BHLĐ	Bảo hộ lao động
DLAVTQG	Dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia
ĐĐBĐV III.1	Đo đạc bản đồ viên hạng III bậc 1 (hoặc tương đương)
ĐĐBĐV III.2	Đo đạc bản đồ viên hạng III bậc 2 (hoặc tương đương)
ĐĐBĐV III.3	Đo đạc bản đồ viên hạng III bậc 3 (hoặc tương đương)
ĐĐBĐV III.4	Đo đạc bản đồ viên hạng III bậc 4 (hoặc tương đương)
ĐĐBĐV III.5	Đo đạc bản đồ viên hạng III bậc 5 (hoặc tương đương)
ĐĐBĐV III.6	Đo đạc bản đồ viên hạng III bậc 6 (hoặc tương đương)
ĐTQL	Đối tượng quản lý
ĐVT	Đơn vị tính
TT	Thứ tự
SDLVTQG	Siêu dữ liệu viễn thám quốc gia

6. Quy định về sử dụng định mức

- Đối với định mức lao động quy định chi tiết trong nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư này chưa bao gồm thời gian nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn (34 ngày/năm tương đương 10,9%);

- Đối với định mức tiêu hao năng lượng, mức tiêu hao điện năng được tính thêm 5% hao phí đường dây.

7. Trong quá trình áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật này, nếu có vướng mắc hoặc phát hiện bất hợp lý, đề nghị phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, điều chỉnh kịp thời.

Phần II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
Chương I
XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA

1. Xây dựng cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia

1.1. Thu nhận siêu dữ liệu viễn thám quốc gia

1.1.1. Tiếp nhận siêu dữ liệu viễn thám quốc gia

Tiếp nhận siêu dữ liệu viễn thám quốc gia thực hiện theo quy định tại Mục 1.2 Phần II Định mức kinh tế - kỹ thuật Công bố siêu dữ liệu viễn thám quốc gia ban hành tại Thông tư số 09/2019/TT-BTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.1.2. Kiểm tra, phân loại siêu dữ liệu viễn thám quốc gia

1.1.2.1. Định mức lao động

a) Nội dung công việc

- Kiểm tra, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa.

- Chuẩn bị dữ liệu mẫu.

b) Định biên: 1ĐĐBĐV III.3.

c) Định mức

Bảng số 01

TT	Công việc	Đơn vị tính	Mức
	Kiểm tra, phân loại siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		
1	Kiểm tra, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	công/file	0,20
2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	công/bộ dữ liệu	0,10

1.1.2.2. Định mức dụng cụ lao động

Bảng số 02

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức
1	Áo blu (áo BHLĐ)	chiếc	12	0,24
2	Dép đi trong phòng	đôi	6	0,24
3	Bàn làm việc	chiếc	36	0,24
4	Ghế tựa	chiếc	36	0,24
5	Tủ tài liệu	chiếc	36	0,06
6	Bàn dập ghim	chiếc	36	0,01
7	Cặp tài liệu	chiếc	12	0,24
8	Máy tính cầm tay	chiếc	60	0,01
9	Đồng hồ treo tường	chiếc	60	0,06
10	Quạt trần 0,1kW	chiếc	60	0,02
11	Quạt thông gió 0,04kW	chiếc	60	0,04
12	Đèn neon 0,04kW	bộ	30	0,24
13	Máy hút bụi 2kW	chiếc	60	0,01

Ghi chú:

Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 03 đối với mức quy định tại bảng số 02.

Bảng số 03

TT	Công việc	Đơn vị tính	Hệ số
	Kiểm tra, phân loại siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		
1	Kiểm tra, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	ca/file	0,67
2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	ca/bộ dữ liệu	0,33

1.1.2.3. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị

Bảng số 04

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Kiểm tra, phân loại siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		(kW)	
1	Kiểm tra, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	ca/file		
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,03

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,12
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,03
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,01
2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	ca/bộ dữ liệu		
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,01
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,06
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,02
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,01

1.1.2.4. Định mức tiêu hao vật liệu

a) Đơn vị tính

- Kiểm tra, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu SDLVTQG đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa: Tính cho 01 file cảnh ảnh hoặc 01 file BĐA.

- Chuẩn hóa dữ liệu mẫu: Tính cho 01 bộ dữ liệu ảnh hoặc BĐA.

b) Định mức

Bảng số 05

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức
1	Ghim dập	hộp	0,01
2	Ghim vòng	hộp	0,02
3	Băng dính to	cuộn	0,01
4	Băng dính nhỏ	cuộn	0,02
5	Giấy A4	ram	0,04
6	Mực in A4	hộp	0,002
7	Mực photocopy	hộp	0,006
8	Túi nilon đựng tài liệu	cái	2,00

Ghi chú:

Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 06 đối với mức tại bảng số 05.

Bảng số 06

TT	Công việc	Sản phẩm	Hệ số
	Kiểm tra, phân loại siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		
1	Kiểm tra, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	file	0,60
2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	bộ dữ liệu	0,40

1.1.2.5. Định mức tiêu hao năng lượng

Điện năng tiêu hao khi các dụng cụ và thiết bị hoạt động để sản xuất một đơn vị sản phẩm quy định trong bảng số 07.

Bảng số 07

TT	Công việc	Sản phẩm	Mức (kW)
1	Kiểm tra, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	file	1,47
2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	bộ dữ liệu	0,75

1.2. Xây dựng cấu trúc cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia

1.2.1. Định mức lao động

1.2.1.1. Nội dung công việc

a) Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu sử dụng trong cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia;

b) Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia;

c) Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia.

1.2.1.2. Định biên: Trong bảng số 08

1.2.1.3. Định mức: Công/ĐTQL

Bảng số 08

TT	Công việc	Định biên	Mức
	Xây dựng cấu trúc CSDLSDLVTQG		
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu sử dụng trong CSDLSDLVTQG	1ĐĐBĐV III.6	16,00
2	Thiết kế mô hình CSDL của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	1ĐĐBĐV III.6	14,40
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	1ĐĐBĐV III.3	4,00

1.2.2. Định mức dụng cụ lao động: Ca/ĐTQL

Bảng số 09

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức
1	Áo blu (áo BHLĐ)	chiếc	12	27,52

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức
2	Dép đi trong phòng	đôi	6	27,52
3	Bàn làm việc	chiếc	36	27,52
4	Ghế tựa	chiếc	36	27,52
5	Tủ tài liệu	chiếc	36	6,88
6	Bàn dập ghim	chiếc	36	0,02
7	Cặp tài liệu	chiếc	12	27,52
8	Máy tính cầm tay	chiếc	60	0,02
9	Đồng hồ treo tường	chiếc	60	6,88
10	Quạt trần 0,1kW	chiếc	60	2,28
11	Quạt thông gió 0,04kW	chiếc	60	4,60
12	Đèn neon 0,04kW	bộ	30	27,52
13	Máy hút bụi 2kW	chiếc	60	0,21

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 10 đối với mức quy định tại bảng số 09.

Bảng số 10

TT	Công việc	Hệ số
	Xây dựng cấu trúc CSDLSDLVTQG	1,00
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu sử dụng trong CSDLSDLVTQG	0,46
2	Thiết kế mô hình CSDL của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	0,42
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	0,12

1.2.3. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị: Ca/ĐTQL

Bảng số 11

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Xây dựng cấu trúc CSDLSDLVTQG		(kW)	
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu sử dụng trong CSDLSDLVTQG			
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	2,14

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	9,60
	Máy photocopy	chiếc	1,50	1,92
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,64
2	Thiết kế mô hình CSDL của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia			
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	1,93
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	8,64
	Máy photocopy	chiếc	1,50	1,74
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,58
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia			
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,54
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	2,40
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,48
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,16

1.2.4. Định mức tiêu hao vật liệu: Tính cho 01 ĐTQL loại ảnh hoặc sản phẩm ảnh

Bảng số 12

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức
1	Ghim dập	hộp	2,00
2	Ghim vòng	hộp	2,00
3	Băng dính to	cuộn	1,00
4	Băng dính nhỏ	cuộn	5,00
5	Giấy A4	ram	4,00
6	Mực in A4	hộp	0,20
7	Mực photocopy	hộp	0,60
8	Túi nilon đựng tài liệu	cái	20,00

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 13 đối với mức quy định tại bảng số 12.

Bảng số 13

TT	Công việc	Hệ số
	Xây dựng cấu trúc CSDLSDLVTQG	
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu sử dụng trong CSDLSDLVTQG	0,50
2	Thiết kế mô hình CSDL của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	0,40
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	0,10

1.2.5. Định mức tiêu hao năng lượng

Điện năng tiêu hao khi các dụng cụ và thiết bị hoạt động để sản xuất một đơn vị sản phẩm quy định trong bảng số 14.

Bảng số 14

TT	Công việc	Sản phẩm	Mức (kW)
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu sử dụng trong CSDLSDLVTQG	ĐTQL	105,74
2	Thiết kế mô hình CSDL của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	ĐTQL	95,40
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	ĐTQL	26,54

1.3. Tạo lập nội dung cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia

1.3.1. Định mức lao động

1.3.1.1. Nội dung công việc

a) Chuyển đổi dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ tệp tin định dạng *.xls hoặc *.xml:

- Kiểm tra và sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian.

- Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian.

- Trình bày hiển thị dữ liệu không gian.

b) Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ các file dữ liệu dạng cảnh ảnh và bình đồ ảnh

- Lập sơ đồ vị trí khu vực dữ liệu ảnh phủ trùm, sơ đồ Bảng số chắp, xác định phiên hiệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám.

- Nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ viễn thám.

- Đối soát kết quả nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám.

- Chuẩn hóa và nhập dữ liệu các file ảnh hiển thị của dữ liệu ảnh và bình đồ ảnh viễn thám.

- Trình bày hiển thị dữ liệu siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám.

c) Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ các Hồ sơ về nguồn gốc và khai thác dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám

- Nhập các thông tin về nguồn gốc dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám.

- Nhập các thông tin về khai thác, sử dụng dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám.

- Đối soát kết quả nhập các thông tin về khai thác, sử dụng dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám.

1.3.1.2. Định biên: Trong bảng số 15

1.3.1.3. Định mức

Bảng số 15

TT	Công việc	Định biên	Đơn vị tính	Mức
	Tạo lập nội dung cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia			
1	Chuyển đổi dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ tệp tin định dạng *.xls hoặc *.xlm			
1.1	Kiểm tra và sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	1ĐĐBĐV III.5	công/file	0,10
1.2	Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian	1ĐĐBĐV III.4	công/file	0,10
1.3	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	1ĐĐBĐV III.5	công/file	0,10
2	Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ các file dữ liệu dạng cảnh ảnh và bình đồ ảnh			
2.1	Lập sơ đồ vị trí khu vực dữ liệu ảnh phủ trùm, sơ đồ Bảng số chắp, xác định phiên hiệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	1ĐĐBĐV III.3	công/file	0,10
2.2	Nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ viễn thám	1ĐĐBĐV III.1	công/trang A4	0,06

TT	Công việc	Định biên	Đơn vị tính	Mức
2.3	Đối soát kết quả nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	1ĐĐBĐV III.2	công/trang A4	0,01
2.4	Chuẩn hóa và nhập dữ liệu các file ảnh hiển thị của dữ liệu ảnh và bình đồ ảnh viễn thám	1ĐĐBĐV III.4	công/file	0,10
2.5	Trình bày hiển thị dữ liệu siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	1ĐĐBĐV III.5	công/file	0,10
3	Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ các Hồ sơ về nguồn gốc và khai thác dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám		công/trang A4	
3.1	Nhập các thông tin về nguồn gốc dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	1ĐĐBĐV III.1	công/trang A4	0,06
3.2	Nhập các thông tin về khai thác, sử dụng dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	1ĐĐBĐV III.1	công/trang A4	0,06
3.3	Đối soát kết quả nhập các thông tin về khai thác, sử dụng dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	1ĐĐBĐV III.2	công/trang A4	0,012

1.3.2. Định mức dụng cụ lao động

Bảng số 16

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức
1	Áo blu (áo BHLĐ)	chiếc	12	0,64
2	Dép đi trong phòng	đôi	6	0,64
3	Bàn làm việc	chiếc	36	0,64
4	Ghế tựa	chiếc	36	0,64
5	Tủ tài liệu	chiếc	36	0,16
6	Bàn dập ghim	chiếc	36	0,01
7	Cặp tài liệu	chiếc	12	0,64

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức
8	Máy tính cầm tay	chiếc	60	0,01
9	Đồng hồ treo tường	chiếc	60	0,16
10	Quạt trần 0,1kW	chiếc	60	0,05
11	Quạt thông gió 0,04kW	chiếc	60	0,11
12	Đèn neon 0,04kW	bộ	30	0,64
13	Máy hút bụi 2kW	chiếc	60	0,01

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 17 đối với mức quy định tại bảng số 16.

Bảng số 17

TT	Công việc	Đơn vị tính	Hệ số
	Tạo lập nội dung cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		1,00
1	Chuyển đổi dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ tệp tin định dạng *.xls hoặc *.xml		0,36
1.1	Kiểm tra và sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	ca/file	0,12
1.2	Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian	ca/file	0,12
1.3	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	ca/file	0,12
2	Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ các file dữ liệu dạng cảnh ảnh và bình đồ ảnh		0,47
2.1	Lập sơ đồ vị trí khu vực dữ liệu ảnh phủ trùm, sơ đồ bảng chắp, xác định phiên hiệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/file	0,13
2.2	Nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ viễn thám	ca/trang A4	0,07
2.3	Đối soát kết quả nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/trang A4	0,01
2.4	Chuẩn hóa và nhập dữ liệu các file ảnh hiển thị của dữ liệu ảnh và bình đồ ảnh viễn thám	ca/file	0,13
2.5	Trình bày hiển thị dữ liệu siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/file	0,13

TT	Công việc	Đơn vị tính	Hệ số
3	Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ các Hồ sơ về nguồn gốc và khai thác dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/trang A4	0,17
3.1	Nhập các thông tin về nguồn gốc dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/trang A4	0,08
3.2	Nhập các thông tin về khai thác, sử dụng dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/trang A4	0,08
3.3	Đối soát kết quả nhập các thông tin về khai thác, sử dụng dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/trang A4	0,01

1.3.3. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị

Bảng số 18

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Tạo lập nội dung cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		(kW)	
1	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,11
2	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,48
3	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,09
4	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,03

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định tại bảng số 17 đối với mức quy định trong bảng số 18.

1.3.4. Định mức tiêu hao vật liệu

Bảng số 19

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức
1	Ghim dập	hộp	0,20
2	Ghim vòng	hộp	0,40
3	Hồ dán	lọ	0,20
4	Băng dính to	cuộn	0,05
5	Băng dính nhỏ	cuộn	0,20
6	Giấy A4	ram	0,20
7	Mực in A4	hộp	0,01
8	Mực photocopy	hộp	0,03
9	Túi nilon đựng tài liệu	cái	5,00

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 20 đối với mức quy định tại bảng số 19.

Bảng số 20

TT	Công việc	Sản phẩm	Hệ số
	Tạo lập nội dung cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		1,00
1	Chuyển đổi dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ tệp tin định dạng *.xls hoặc *.xml	file	0,36
1.1	Kiểm tra và sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	file	0,12
1.2	Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian	file	0,12
1.3	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	file	0,12
2	Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		0,47
2.1	Lập sơ đồ vị trí khu vực dữ liệu ảnh phủ trùm, sơ đồ bảng chắp, xác định phiên hiệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	file	0,13
2.2	Nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ viễn thám	trang A4	0,07
2.3	Đối soát kết quả nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	0,01
2.4	Chuẩn hóa và nhập dữ liệu các file ảnh hiển thị của dữ liệu ảnh và bình đồ ảnh viễn thám	file	0,13
2.5	Trình bày hiển thị dữ liệu siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	file	0,13
3	Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ các Hồ sơ về nguồn gốc và khai thác dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	0,17
3.1	Nhập các thông tin về nguồn gốc dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	0,08
3.2	Nhập các thông tin về khai thác, sử dụng dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	0,08

TT	Công việc	Sản phẩm	Hệ số
3.3	Đối soát kết quả nhập các thông tin về khai thác, sử dụng dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	0,01

1.3.5. Định mức tiêu hao năng lượng

Điện năng tiêu hao khi các dụng cụ và thiết bị hoạt động để sản xuất một đơn vị sản phẩm quy định trong bảng số 21.

Bảng số 21

TT	Công việc	Sản phẩm	Mức (kW)
	Tạo lập nội dung cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		
1	Chuyển đổi dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ tệp tin định dạng *.xls hoặc *.xml	file	
1.1	Kiểm tra và sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	file	0,66
1.2	Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian	file	0,66
1.3	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	file	0,66
2	Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		
2.1	Lập sơ đồ vị trí khu vực dữ liệu ảnh phủ trùm, sơ đồ bảng chắp, xác định phiên hiệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	file	0,66
2.2	Nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ viễn thám	trang A4	0,40
2.3	Đối soát kết quả nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	0,06
2.4	Chuẩn hóa và nhập dữ liệu các file ảnh hiển thị của dữ liệu ảnh và bình đồ ảnh viễn thám	file	0,66
2.5	Trình bày hiển thị dữ liệu siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	file	0,66
3	Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ các Hồ sơ về nguồn gốc và khai thác dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	
3.1	Nhập các thông tin về nguồn gốc dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	0,40

TT	Công việc	Sản phẩm	Mức (kW)
3.2	Nhập các thông tin về khai thác, sử dụng dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	0,40
3.3	Đối soát kết quả nhập các thông tin về khai thác, sử dụng dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	0,08

1.4. Kiểm tra sản phẩm siêu dữ liệu viễn thám quốc gia

1.4.1. Định mức lao động

1.4.1.1. Nội dung công việc

Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác và thống nhất:

a) Kiểm tra mô hình dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia;

b) Kiểm tra nội dung cơ sở dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia;

c) Kiểm tra danh mục dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia.

1.4.1.2. Định biên: 1ĐĐBĐV III.6

1.4.1.3. Định mức

Bảng số 22

TT	Công việc	Đơn vị tính	Mức
	Kiểm tra sản phẩm siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	công/ĐTQL	8,00
2	Kiểm tra nội dung cơ sở dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	công/loại ảnh hoặc sản phẩm ảnh	0,20
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	công/loại ảnh hoặc sản phẩm ảnh	0,20

1.4.2. Định mức dụng cụ lao động

Bảng số 23

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức
1	Áo blu (áo BHLĐ)	chiếc	12	6,72
2	Dép đi trong phòng	đôi	6	6,72
3	Bàn làm việc	chiếc	36	6,72
4	Ghế tựa	chiếc	36	6,72
5	Tủ tài liệu	chiếc	36	1,68
6	Bàn dập ghim	chiếc	36	0,01

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức
7	Cặp tài liệu	chiếc	12	6,72
8	Máy tính cầm tay	chiếc	60	0,01
9	Đồng hồ treo tường	chiếc	60	1,68
10	Quạt trần 0,1kW	chiếc	60	0,55
11	Quạt thông gió 0,04kW	chiếc	60	1,13
12	Đèn neon 0,04kW	bộ	30	6,72
13	Máy hút bụi 2kW	chiếc	60	0,01

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 24 đối với mức quy định tại bảng số 23.

Bảng số 24

TT	Công việc	Đơn vị tính	Hệ số
	Kiểm tra sản phẩm siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		1,00
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	ca/ĐTQL	0,95
2	Kiểm tra nội dung cơ sở dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	ca/loại ảnh hoặc sản phẩm ảnh	0,025
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	ca/loại ảnh hoặc sản phẩm ảnh	0,025

1.4.3. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị

Bảng số 25

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Kiểm tra sản phẩm siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		(kW)	
1	Máy điều hòa	chiếc	2,20	1,13
2	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	5,04
3	Máy photocopy	chiếc	1,50	1,00
4	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,33

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định tại bảng số 26 đối với mức quy định trong bảng số 25.

Bảng số 26

TT	Công việc	Đơn vị tính	Hệ số
	Kiểm tra sản phẩm siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		1,00
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	ca/ĐTQL	0,95
2	Kiểm tra nội dung cơ sở dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	ca/loại ảnh hoặc sản phẩm ảnh	0,025
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	ca/loại ảnh hoặc sản phẩm ảnh	0,025

1.4.4. Định mức tiêu hao vật liệu

Bảng số 27

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức
1	Ghim dập	hộp	0,50
2	Ghim vòng	hộp	1,00
3	Băng dính to	cuộn	0,10
4	Băng dính nhỏ	cuộn	0,50
5	Giấy A4	ram	1,00
6	Mực in A4	hộp	0,07
7	Mực photocopy	hộp	0,13
8	Túi nilon đựng tài liệu	cái	10,00

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 28 đối với mức quy định tại bảng số 27.

Bảng số 28

TT	Công việc	Sản phẩm	Hệ số
	Kiểm tra sản phẩm siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		1,00
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	ĐTQL	0,90
2	Kiểm tra nội dung cơ sở dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	loại ảnh hoặc sản phẩm ảnh	0,05
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	loại ảnh hoặc sản phẩm ảnh	0,05

1.4.5. Định mức tiêu hao năng lượng

Điện năng tiêu hao (sử dụng) khi các dụng cụ, thiết bị hoạt động để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm quy định trong bảng số 29.

Bảng số 29

TT	Công việc	Sản phẩm	Mức (kW)
	Kiểm tra sản phẩm siêu dữ liệu viễn thám quốc gia		
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	ĐTQL	52,64
2	Kiểm tra nội dung cơ sở dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	loại ảnh hoặc sản phẩm ảnh	1,31
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu của siêu dữ liệu viễn thám quốc gia	loại ảnh hoặc sản phẩm ảnh	1,31

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia

2.1. Thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia

2.1.1. Tiếp nhận dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia

Theo quy định tại định mức 1.1.1 của định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2.1.2. Kiểm tra, đánh giá và phân loại dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia

2.1.2.1. Định mức lao động

a) Nội dung công việc

- Kiểm tra, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu ảnh viễn thám đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa.

- Chuẩn bị dữ liệu mẫu.

b) Định biên: Trong bảng số 30

c) Định mức

Bảng số 30

TT	Công việc	Định biên	Đơn vị tính	Mức
	Kiểm tra, đánh giá và phân loại dữ liệu ảnh viễn thám			
1	Kiểm tra, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu ảnh viễn thám đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	1ĐĐBĐV III.6	công/cảnh ảnh, BĐA	0,20
2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	1ĐĐBĐV III.3	công/bộ dữ liệu	0,10

2.1.2.2. Định mức dụng cụ lao động

Bảng số 31

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức
1	Áo blu (áo BHLĐ)	chiếc	12	0,24
2	Dép đi trong phòng	đôi	6	0,24
3	Bàn làm việc	chiếc	36	0,24
4	Ghế tựa	chiếc	36	0,24
5	Tủ tài liệu	chiếc	36	0,06
6	Bàn dập ghim	chiếc	36	0,01
7	Cặp tài liệu	chiếc	12	0,24
8	Máy tính cầm tay	chiếc	60	0,01
9	Đồng hồ treo tường	chiếc	60	0,06
10	Quạt trần 0,1kW	chiếc	60	0,02
11	Quạt thông gió 0,04kW	chiếc	60	0,04
12	Đèn neon 0,04kW	bộ	30	0,24
13	Máy hút bụi 2kW	chiếc	60	0,01

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 32 đối với mức quy định tại bảng số 31.

Bảng số 32

TT	Công việc	Đơn vị tính	Hệ số
	Kiểm tra, đánh giá và phân loại dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia		1,00
1	Kiểm tra, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu ảnh viễn thám đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	ca/cảnh ảnh, BĐA	0,67
2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	ca/bộ dữ liệu	0,33

2.1.2.3. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị

Bảng số 33

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Kiểm tra, đánh giá và phân loại dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia		(kW)	
1	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,04

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
2	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,18
3	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,05
4	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,02

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định tại bảng số 32 đối với mức quy định trong bảng số 33.

2.1.2.4. Định mức tiêu hao vật liệu

Bảng số 34

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức
1	Ghim dập	hộp	0,03
2	Ghim vòng	hộp	0,07
3	Băng dính to	cuộn	0,01
4	Băng dính nhỏ	cuộn	0,05
5	Giấy A4	ram	0,04
6	Mực in A4	hộp	0,002
7	Mực photocopy	hộp	0,006
8	Túi nilon đựng tài liệu	cái	2,00

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 35 đối với mức quy định tại bảng số 34.

Bảng số 35

TT	Công việc	Hệ số
	Kiểm tra, đánh giá và phân loại dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	1,00
1	Kiểm tra, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu ảnh viễn thám đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	0,65
2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	0,35

2.1.2.5. Định mức tiêu hao năng lượng

Điện năng tiêu hao (sử dụng) khi các dụng cụ, thiết bị hoạt động để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm quy định trong bảng số 36.

Bảng số 36

TT	Công việc	Sản phẩm	Mức (kW)
	Kiểm tra, đánh giá và phân loại dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia		

TT	Công việc	Sản phẩm	Mức (kW)
1	Kiểm tra, đánh giá và phân loại chi tiết dữ liệu ảnh viễn thám đã được chuẩn hóa và chưa được chuẩn hóa	cảnh ảnh, BĐA	1,48
2	Chuẩn bị dữ liệu mẫu	bộ dữ liệu	0,74

2.2. Thiết kế cấu trúc cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia

2.2.1. Định mức lao động

2.2.1.1. Nội dung công việc

a) Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám;

b) Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám;

c) Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu của CSDL ảnh viễn thám.

2.2.1.2. Định biên: Trong bảng số 37

2.2.1.3. Định mức: Công/ĐTQL

Bảng số 37

TT	Công việc	Định biên	Mức
	Thiết kế cấu trúc cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia		
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	1ĐĐBĐV III.4	16,00
2	Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	1ĐĐBĐV III.4	14,00
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu của CSDL ảnh viễn thám quốc gia	1ĐĐBĐV III.3	4,00

2.2.2. Định mức dụng cụ lao động: Ca/ ĐTQL

Bảng số 38

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức
1	Áo blu (áo BHLĐ)	chiếc	12	27,20
2	Dép đi trong phòng	đôi	6	27,20
3	Bàn làm việc	chiếc	36	27,20
4	Ghế tựa	chiếc	36	27,20
5	Tủ tài liệu	chiếc	36	6,80
6	Bàn dập ghim	chiếc	36	0,01
7	Cặp tài liệu	chiếc	12	6,80

TT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Mức
8	Máy tính cầm tay	chiếc	60	0,01
9	Đồng hồ treo tường	chiếc	60	6,80
10	Quạt trần 0,1kW	chiếc	60	2,24
11	Quạt thông gió 0,04kW	chiếc	60	4,56
12	Đèn neon 0,04kW	bộ	30	27,20
13	Máy hút bụi 2kW	chiếc	60	0,20

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 39 đối với mức quy định tại bảng số 38.

Bảng số 39

TT	Công việc	Hệ số
	Thiết kế cấu trúc cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	1,00
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,47
2	Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,41
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu của CSDL ảnh viễn thám quốc gia	0,12

2.2.3. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị: Ca/ ĐTQL

Bảng số 40

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Thiết kế cấu trúc cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia		(kW)	
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia			
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	2,14
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	9,60
	Máy photocopy	chiếc	1,50	1,92
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,64
2	Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia			
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	1,88

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	8,40
	Máy photocopy	chiếc	1,50	1,68
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,56
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu của CSDL ảnh viễn thám quốc gia			
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,54
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	2,40
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,48
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,16

2.2.4. Định mức tiêu hao vật liệu: Tính cho 01 ĐTQL (loại ảnh, sản phẩm ảnh)

Bảng số 41

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức
1	Ghim dập	hộp	1,50
2	Ghim vòng	hộp	2,50
3	Băng dính to	cuộn	0,50
4	Băng dính nhỏ	cuộn	2,50
5	Giấy A4	ram	6,00
6	Mực in A4	hộp	0,40
7	Mực photocopy	hộp	0,80
8	Túi nilon đựng tài liệu	cái	15,00

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 42 đối với mức quy định tại bảng số 41.

Bảng số 42

TT	Công việc	Hệ số
	Thiết kế cấu trúc cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	1,00
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,50
2	Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,40
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu của CSDL ảnh viễn thám quốc gia	0,10

2.2.5. Định mức tiêu hao năng lượng

Điện năng tiêu hao (sử dụng) khi các dụng cụ, thiết bị hoạt động để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm quy định trong bảng số 43.

Bảng số 43

TT	Công việc	Sản phẩm	Mức (kW)
	Thiết kế cấu trúc cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia		
1	Thiết kế mô hình danh mục dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	ĐTQL	104,48
2	Thiết kế mô hình cơ sở dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	ĐTQL	92,70
3	Nhập dữ liệu mẫu để kiểm tra mô hình dữ liệu của CSDL ảnh viễn thám quốc gia	ĐTQL	26,53

2.3. Tạo lập nội dung cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia

2.3.1. Định mức lao động

2.3.1.1. Nội dung công việc

a) Nhập dữ liệu dạng cảnh ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia;

b) Nhập dữ liệu dạng bình đồ ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia.

2.3.1.2. Định biên: Trong bảng số 44

2.3.1.3. Định mức: Công/cảnh ảnh, BĐA

Bảng số 44

TT	Công việc	Định biên	Mức
	Tạo lập nội dung cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia		
1	Nhập dữ liệu dạng cảnh ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	1ĐĐBĐV III.5	0,10
2	Nhập dữ liệu dạng bình đồ ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	1ĐĐBĐV III.3	0,10

2.3.2. Định mức dụng cụ lao động: Ca/cảnh ảnh, BĐA

Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 45 đối với mức quy định tại bảng số 31.

Bảng số 45

TT	Công việc	Hệ số
	Tạo lập nội dung cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	
1	Nhập dữ liệu dạng cảnh ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,33
2	Nhập dữ liệu dạng bình đồ ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,33

2.3.4. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị: Ca/cảnh ảnh, BĐA

Bảng số 46

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Tạo lập nội dung cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia		(kW)	
1	Nhập dữ liệu dạng cảnh ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia			
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,013
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,060
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,018
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,006
2	Nhập dữ liệu dạng bình đồ ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia			
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,013
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,060
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,018
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,006

2.3.4. Định mức tiêu hao vật liệu: Tính cho 01 cảnh ảnh hoặc 01 bình đồ ảnh

Bảng số 47

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức
1	Ghim dập	hộp	0,01
2	Ghim vòng	hộp	0,02
3	Băng dính to	cuộn	0,01
4	Băng dính nhỏ	cuộn	0,05

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức
5	Giấy A4	ram	0,05
6	Mực in A4	hộp	0,003
7	Mực photocopy	hộp	0,007
8	Túi nilon đựng tài liệu	cái	2,00

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 48 đối với mức quy định tại bảng số 47.

Bảng số 48

TT	Công việc	Hệ số
	Tạo lập nội dung cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	1,00
1	Nhập dữ liệu dạng cảnh ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,50
2	Nhập dữ liệu dạng bình đồ ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,50

2.3.5. Định mức tiêu hao năng lượng

Điện năng tiêu hao (sử dụng) khi các dụng cụ, thiết bị hoạt động để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm quy định trong bảng số 49.

Bảng số 49

TT	Công việc	Sản phẩm	Mức (kW)
	Tạo lập nội dung cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia		
1	Nhập dữ liệu dạng cảnh ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	cảnh ảnh	0,74
2	Nhập dữ liệu dạng bình đồ ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	bình đồ ảnh	0,74

2.4. Kiểm tra sản phẩm cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia

2.4.1. Định mức lao động

2.4.1.1. Nội dung công việc

Kiểm tra tính đầy đủ, thống nhất và chính xác:

a) Kiểm tra mô hình dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám;

b) Kiểm tra nội dung cơ sở dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám;

c) Kiểm tra danh mục dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám.

2.4.1.2. Định biên: 1ĐĐBĐV III.6

2.4.1.3. Định mức: Công/ĐTQL

Bảng số 50

TT	Công việc	Mức
	Kiểm tra sản phẩm cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	8,00
2	Kiểm tra nội dung cơ sở dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,20
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,20

2.4.2. Định mức dụng cụ lao động: Ca/ ĐTQL

Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 51 đối với mức quy định tại bảng số 23.

Bảng số 51

TT	Công việc	Hệ số
	Kiểm tra sản phẩm cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	1,00
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,95
2	Kiểm tra nội dung cơ sở dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,025
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,025

2.4.3. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị: Ca/ ĐTQL

Bảng số 52

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Kiểm tra sản phẩm cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia		(kW)	
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia			
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	1,07
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	4,80
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,96
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,32
2	Kiểm tra nội dung cơ sở dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia			

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,03
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,12
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,03
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,01
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia			
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,03
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,12
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,03
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,01

2.4.4. Định mức tiêu hao vật liệu: Tính cho 01 cảnh ảnh, sản phẩm ảnh

Bảng số số 53

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức
1	Ghim dập	hộp	0,50
2	Ghim vòng	hộp	1,00
3	Băng dính to	cuộn	0,50
4	Băng dính nhỏ	cuộn	3,00
5	Giấy A4	ram	2,50
6	Mực in A4	hộp	0,15
7	Mực photocopy	hộp	0,30
8	Túi nilon đựng tài liệu	cái	10,00

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 54 đối với mức quy định tại bảng số 53.

Bảng số 54

TT	Công việc	Hệ số
	Kiểm tra sản phẩm cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	1,00
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,94
2	Kiểm tra nội dung cơ sở dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,03
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,03

2.4.5. Định mức tiêu hao năng lượng

Điện năng tiêu hao (sử dụng) khi các dụng cụ, thiết bị hoạt động để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm quy định trong bảng số 55.

Bảng số 55

TT	Công việc	Sản phẩm	Mức (kW)
	Kiểm tra sản phẩm cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia		
1	Kiểm tra mô hình dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	ĐTQL	51,23
2	Kiểm tra nội dung cơ sở dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	ĐTQL	1,46
3	Kiểm tra danh mục dữ liệu của cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	ĐTQL	1,46

Chương II
CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA

1. Cập nhật siêu dữ liệu viễn thám quốc gia

1.1. Thống kê, đánh giá siêu dữ liệu giao nộp mới từ các cơ quan, tổ chức

1.1.1. Định mức lao động

1.1.1.1. Nội dung công việc

Thống kê, đánh giá siêu dữ liệu giao nộp mới từ các cơ quan, tổ chức.

1.1.1.2. Định biên: 1ĐĐBĐV III.5

1.1.1.3. Định mức: 0,10 công/báo cáo

1.1.2. Định mức dụng cụ lao động: Ca/báo cáo

Mức tính bằng 0,33 mức quy định tại bảng số 31 của định mức kinh tế - kỹ thuật này.

1.1.3. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị: Ca/báo cáo

Bảng số 56

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Thống kê, đánh giá siêu dữ liệu giao nộp mới từ các cơ quan, tổ chức		(kW)	
1	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,01
2	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,06
3	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,02
4	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,006

1.1.4. Định mức tiêu hao vật liệu: Tính cho 01 báo cáo (loại ảnh, sản phẩm ảnh)

Bảng số 57

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức
1	Ghim dập	hộp	0,01
2	Ghim vòng	hộp	0,03
3	Băng dính to	cuộn	0,01
4	Băng dính nhỏ	cuộn	0,05
5	Giấy A4	ram	0,03
6	Mực in A4	hộp	0,002
7	Mực photocopy	hộp	0,004
8	Túi nilon đựng tài liệu	cái	1,00

1.1.5. Định mức tiêu hao năng lượng

Điện năng tiêu hao (sử dụng) khi các dụng cụ, thiết bị hoạt động để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm quy định trong bảng số 58.

Bảng số 58

TT	Công việc	Sản phẩm	Mức (kW)
1	Thống kê, đánh giá siêu dữ liệu giao nộp mới từ các cơ quan, tổ chức	báo cáo	0,66

1.2. Chuyển đổi dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ tệp tin định dạng *.xls hoặc *.xml

1.2.1. Định mức lao động

1.2.1.1. Nội dung công việc

a) Kiểm tra và sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian;

b) Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian;

c) Trình bày hiển thị dữ liệu không gian.

1.2.1.2. Định biên: Trong bảng số 59

1.2.1.3. Định mức

Bảng số 59

TT	Công việc	Định biên	Đơn vị tính	Mức
	Chuyển đổi dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ tệp tin định dạng *.xls hoặc *.shp			

TT	Công việc	Định biên	Đơn vị tính	Mức
1	Kiểm tra và sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	1ĐĐBĐV III.5	công/file	0,10
2	Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian	1ĐĐBĐV III.4	công/file	0,10
3	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	1ĐĐBĐV III.5	công/ĐTQL	0,05

1.2.2. Định mức dụng cụ lao động

Mức tính theo hệ số quy định trong bảng số 60 đối với mức quy định tại bảng số 31.

Bảng số 60

TT	Công việc	Đơn vị tính	Hệ số
	Chuyển đổi dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ tệp tin định dạng *.xls hoặc *.shp		0,83
1	Kiểm tra và sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	ca/file	0,33
2	Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian	ca/file	0,33
3	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	ca/ĐTQL	0,17

1.2.3. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị

Bảng số 61

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Chuyển đổi dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ tệp tin định dạng *.xls hoặc *.shp		(kW)	
1	Kiểm tra và sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	ca/file		
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,01
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,06
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,02
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,006

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
2	Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian	ca/file		
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,01
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,06
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,02
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,006
3	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	ca/ĐTQL		
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,007
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,03
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,01
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,003

1.2.4. Định mức tiêu hao vật liệu

Bảng số 62

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức
1	Ghim dập	hộp	0,02
2	Ghim vòng	hộp	0,05
3	Băng dính to	cuộn	0,02
4	Băng dính nhỏ	cuộn	0,10
5	Giấy A4	ram	0,05
6	Mực in A4	hộp	0,003
7	Mực photocopy	hộp	0,007
8	Túi nilon đựng tài liệu	cái	2,00

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 63 đối với mức quy định tại bảng số 62.

Bảng số 63

TT	Công việc	Đơn vị tính	Hệ số
	Chuyển đổi dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ tệp tin định dạng *.xls hoặc *.sml		1,00
1	Kiểm tra và sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	file	0,40
2	Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian	file	0,40
3	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	ĐTQL	0,20

1.2.5. Định mức tiêu hao năng lượng

Điện năng tiêu hao (sử dụng) khi các dụng cụ, thiết bị hoạt động để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm quy định trong bảng số 64.

Bảng số 64

TT	Công việc	Sản phẩm	**Mức** (kW)
	Chuyển đổi dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ tệp tin định dạng *.xls hoặc *.sml		
1	Kiểm tra và sửa lỗi tương quan của dữ liệu không gian	file	0,71
2	Hiệu đính nội dung cho dữ liệu phi không gian	file	0,71
3	Trình bày hiển thị dữ liệu không gian	ĐTQL	0,38

1.3. Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ các file dữ liệu dưới dạng cảnh ảnh và bình đồ ảnh

1.3.1. Định mức lao động

1.3.1.1. Nội dung công việc

a) Lập sơ đồ vị trí khu vực dữ liệu ảnh phủ trùm, sơ đồ bảng chắp, xác định phiên hiệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám;

b) Nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám;

c) Đối soát kết quả nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám;

d) Chuẩn hóa và nhập dữ liệu các file ảnh hiển thị của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám;

đ) Trình bày hiển thị dữ liệu siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám.

1.3.1.2. Định biên: Trong bảng số 65

1.3.1.3. Định mức

Bảng số 65

TT	Công việc	Định biên	Đơn vị tính	Mức
	Nhập dữ liệu vào CSDLSDLVTQG từ các file dữ liệu dưới dạng cảnh ảnh và bình đồ ảnh			
1	Lập sơ đồ vị trí khu vực dữ liệu ảnh phủ trùm, sơ đồ bảng chắp, xác định phiên hiệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	1ĐĐBĐV III.3	công/file	0,10
2	Nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	1ĐĐBĐV III.1	công/trang A4	0,06
3	Đối soát kết quả nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	1ĐĐBĐV III.2	công/trang A4	0,01
4	Chuẩn hóa và nhập dữ liệu các file ảnh hiển thị của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	1ĐĐBĐV III.4	công/file	0,10
5	Trình bày hiển thị dữ liệu siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	1ĐĐBĐV III.5	công/ĐTQL	0,10

1.3.2. Định mức dụng cụ lao động

Mức tính theo hệ số quy định trong bảng số 66 đối với mức quy định tại bảng số 31.

Bảng số 66

TT	Công việc	Đơn vị tính	Hệ số
	Nhập dữ liệu vào CSDLSDLVTQG từ các file dữ liệu dưới dạng cảnh ảnh và bình đồ ảnh		
1	Lập sơ đồ vị trí khu vực dữ liệu ảnh phủ trùm, sơ đồ bảng chắp, xác định phiên hiệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/file	0,33
2	Nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/trang A4	0,20
3	Đối soát kết quả nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/trang A4	0,03

TT	Công việc	Đơn vị tính	Hệ số
4	Chuẩn hóa và nhập dữ liệu các file ảnh hiển thị của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/file	0,33
5	Trình bày hiển thị dữ liệu siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/ĐTQL	0,33

1.3.3. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị

Bảng số 67

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Nhập dữ liệu vào CSDLSDLVTQG từ các file dữ liệu dưới dạng cảnh ảnh và bình đồ ảnh		(kW)	
1	Lập sơ đồ vị trí khu vực dữ liệu ảnh phủ trùm, sơ đồ bảng chắp, xác định phiên hiệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/file		
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,01
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,06
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,02
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,006
2	Nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/trang A4		
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,008
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,040
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,010
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,004
3	Đối soát kết quả nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/trang A4		
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,002
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,005
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,002
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,001
4	Chuẩn hóa và nhập dữ liệu các file ảnh hiển thị của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/file		

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,01
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,06
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,02
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,006
5	Trình bày hiển thị dữ liệu siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ca/ĐTQL		
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,01
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,06
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,02
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,006

1.3.4. Định mức tiêu hao vật liệu

Bảng số 68

TT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Mức
1	Ghim dập	hộp	0,04
2	Ghim vòng	hộp	0,04
3	Băng dính to	cuộn	0,04
4	Băng dính nhỏ	cuộn	0,09
5	Giấy A4	ram	0,09
6	Mực in A4	hộp	0,01
7	Mực photocopy	hộp	0,01
8	Túi nilon đựng tài liệu	cái	3,00

Ghi chú: Mức cho từng bước công việc tính theo hệ số quy định trong bảng số 69 đối với mức quy định tại bảng số 68.

Bảng số 69

TT	Công việc	Đơn vị tính	Hệ số
	Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ các file dữ liệu dưới dạng cảnh ảnh và bình đồ ảnh		1,00
1	Lập sơ đồ vị trí khu vực dữ liệu ảnh phủ trùm, sơ đồ bảng chắp, xác định phiên hiệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	file	0,23
2	Nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	0,21

TT	Công việc	Đơn vị tính	Hệ số
3	Đối soát kết quả nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	0,10
4	Chuẩn hóa và nhập dữ liệu các file ảnh hiển thị của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	file	0,23
5	Trình bày hiển thị dữ liệu siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ĐTQL	0,23

1.3.5. Định mức tiêu hao năng lượng

Điện năng tiêu hao (sử dụng) khi các dụng cụ, thiết bị hoạt động để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm quy định trong bảng số 70.

Bảng số 70

TT	Công việc	Sản phẩm	Mức (kW)
	Nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu siêu dữ liệu viễn thám quốc gia từ các file dữ liệu dưới dạng cảnh ảnh và bình đồ ảnh		
1	Lập sơ đồ vị trí khu vực dữ liệu ảnh phủ trùm, sơ đồ bảng chắp, xác định phiên hiệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	file	0,71
2	Nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	0,42
3	Đối soát kết quả nhập các thông tin kỹ thuật từ file siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	trang A4	0,08
4	Chuẩn hóa và nhập dữ liệu các file ảnh hiển thị của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	file	0,71
5	Trình bày hiển thị dữ liệu siêu dữ liệu của dữ liệu ảnh, bình đồ ảnh viễn thám	ĐTQL	0,71

2. Cập nhật dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia

2.1. Thống kê, đánh giá dữ liệu ảnh giao nộp mới từ các cơ quan, tổ chức

Theo quy định tại định mức 1.1 mục 2 định mức KT-KT này.

2.2. Nhập dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia

2.2.1. Định mức lao động

2.2.1.1. Nội dung công việc

a) Nhập dữ liệu dạng cảnh ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia;

b) Nhập dữ liệu dạng bình đồ ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia.

2.2.1.2. Định biên: 1ĐĐBĐV III.5

2.2.1.3. Định mức: Công/cảnh ảnh, BĐA

Bảng số 71

TT	Công việc	Mức
	Nhập dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	
1	Nhập dữ liệu dạng cảnh ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,10
2	Nhập dữ liệu dạng bình đồ ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,10

2.2.2. Định mức dụng cụ lao động: Ca/cảnh ảnh, BĐA

Mức tính theo hệ số quy định trong bảng số 72 đối với mức quy định tại bảng số 31 của định mức kinh tế - kỹ thuật này.

Bảng số 72

TT	Công việc	Hệ số
	Nhập dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	
1	Nhập dữ liệu dạng cảnh ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,33
2	Nhập dữ liệu dạng bình đồ ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,33

2.2.3. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị: Ca/cảnh ảnh, BĐA

Bảng số 73

TT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Công suất	Mức
	Nhập dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia		(kW)	
1	Nhập dữ liệu dạng cảnh ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia			
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,01
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,06
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,02
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,006
2	Nhập dữ liệu dạng bình đồ ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia			
	Máy điều hòa	chiếc	2,20	0,01
	Máy vi tính để bàn	bộ	0,40	0,06
	Máy photocopy	chiếc	1,50	0,02
	Máy in Laser A4	chiếc	0,40	0,006

2.2.4. Định mức tiêu hao vật liệu: Tính cho 01 cảnh ảnh hoặc 01 bình đồ ảnh

Mức tính theo hệ số quy định trong bảng số 74 đối với mức quy định tại bảng số 68.

Bảng số 74

TT	Công việc	Hệ số
	Nhập dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	
1	Nhập dữ liệu dạng cảnh ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,25
2	Nhập dữ liệu dạng bình đồ ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	0,25

2.2.5. Định mức tiêu hao năng lượng

Điện năng tiêu hao (sử dụng) khi các dụng cụ, thiết bị hoạt động để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm quy định trong bảng số 75.

Bảng số 75

TT	Công việc	Sản phẩm	Mức (kW)
	Nhập dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia		
1	Nhập dữ liệu dạng cảnh ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	cảnh ảnh	0,71
2	Nhập dữ liệu dạng bình đồ ảnh vào trong cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia	bình đồ ảnh	0,71